

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2022/HS-PT
Ngày: 05-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phương

Các Thẩm phán: Ông Dương Ngọc Thành

Ông Nguyễn Thiện Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Dương Phát - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Bà Mai Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 144/2022/TLPT-HS ngày 10 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Phan Hòa P do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2022/HS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

Bị cáo có kháng cáo: **Phan Hòa P**, sinh năm 1989 tại Long An. Nơi cư trú: Ấp N, xã N1, Huyện T, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Hòa B1, sinh năm 1951 và bà Phan Thị T1, sinh năm 1952; bản thân có vợ tên Nguyễn Thị Dạ T2, có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2016; tiền án: Ngày 10/01/2013 bị Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm về tội “Đánh bạc”, bị cáo chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/4/2022 cho đến nay, có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo hoặc không có liên quan đến kháng cáo không triệu tập:

- Bị hại: Lê Thị M, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Ấp 1, xã P1, huyện B, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Thị Dạ T2, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Ấp N, xã N1, huyện T, tỉnh Long An.

2. Huỳnh Ngọc D, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Ấp C, xã P1, huyện B, tỉnh Long An .

3. Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Ấp 5, xã P1, huyện B, tỉnh Long An.

- *Người làm chứng:*

1. Phan Hoàng H, sinh năm 1980

2. Trần Thanh T3, sinh năm 1975

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2018, Phan Hòa P tham gia cò môi giới bất động sản tại huyện B, tỉnh Long An. Đến năm 2019, P thấy trên mạng Zalo, Facebook có đăng bán đất, thông tin trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, tên Ông: Phan Hoàng H (H anh em bà con với P), sinh năm 1980, CMND số: 300355083; địa chỉ thường trú: ấp N, xã N1, Huyện T, tỉnh Long An, số ký hiệu CP 812836, thửa đất số 606, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.500m²; hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; mục đích sử dụng: Đất cHên trồng lúa nước; thời hạn sử dụng: Đến ngày 15/10/2063; Nguồn gốc sử dụng: Nhận cHên nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp ngày 22/1/2019. Từ đó, P nảy sinh ý định lấy thông tin trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên mình là Phan Hòa P để đem cầm cho người khác lấy tiền trả nợ. Sau đó, P lên mạng Facebook thấy có người làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, nên P đặt Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất giả mang tên Phan Hòa P, sinh năm 1989, CMND số: 301301986, số ký hiệu là CN 812836, ngày cấp là ngày 13/6/2018 các thông tin khác trên giấy giống với thông tin trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của ông H với giá tiền 5.000.000 đồng. Sau đó, P nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất giả mang tên Phan Hòa P, P mang giấy này đem cầm cho bà Nguyễn Thị Lâm A1, bà A1 không cầm mà giới thiệu P đến gặp anh Huỳnh Ngọc D để cầm, anh D cũng không cầm, anh D chỉ P đến gặp bà Lê Thị M và bà M đồng ý nhận cầm và viết giấy mượn tiền ngày 27/12/2019, với số tiền là 100.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng, kể từ ngày 27/12/2019 đến ngày 27/6/2020 P sẽ thanh toán tiền gốc và lãi cho bà M. P nhận đủ 100.000.000đ và đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất giả mang tên P cho bà M cất giữ. Đến ngày trả nợ thì P cố tình lẩn tránh, không thực hiện đúng như cam kết trong hợp đồng với bà M. Sau nhiều lần điện thoại cho P để đòi số tiền trên nhưng P không nghe máy, bà M đến nhà gặp cha mẹ P để nói rõ việc P thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tờ bản đồ số 15, thửa đất số 606, diện tích 1.500m² tọa lạc tại ấp N, xã N1, Huyện T, tỉnh Long

An, do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 13/6/2018 mang tên Phan Hòa P với số tiền 100.000.000 đồng và đề nghị gia đình trả nợ thay cho P, thì cha, mẹ P khẳng định, gia đình không cho P và gia đình cũng không có quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà P thế chấp cho bà M nêu trên nên không đồng ý trả nợ thay cho P, đồng thời khẳng định giấy chứng nhận trên là giả. Nghi ngờ bị lừa đảo, bà M đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T để kiểm tra, thì thửa đất số 606, tờ bản đồ số 15, loại đất lúa, diện tích 1.500m², tọa lạc tại ấp N, xã N1, huyện T, tỉnh Long An là có thật nhưng không phải Phan Hòa P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà do Trần Thanh T3, sinh năm 1975, ngụ tại: ấp Nhơn Hòa, xã N1, huyện T, tỉnh Long An đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà M làm đơn tố giác Phan Hòa P đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B. Qua điều tra, P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên. Trong quá trình điều tra P bỏ trốn, cơ quan Cảnh sát điều tra ra quyết định truy nã, đến ngày 17/4/2022, P đến Công an huyện B đầu thú, nhưng do P bị nhiễm Covid- 19, nên Cơ quan điều tra không tạm giữ, P về địa phương cách ly y tế theo quy định.

Tại Bản kết luận giám định số 1045/2020/KLGD ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An, kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CN 812836 (đóng dấu TLCDGĐ, ký hiệu A) do Phan Hòa P đứng tên là giấy giả.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2022/HS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An, đã xử:

Tuyên bố: Bị cáo Phan Hòa P phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt: Bị cáo Phan Hòa P 02 (hai) năm tù.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt: Bị cáo Phan Hòa P 02 (hai) năm tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 tổng hợp hình phạt hai tội buộc bị cáo Phan Hòa P phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm tù, thời gian tù tính từ ngày 27/4/2022.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 13/9/2022 bị cáo Phan Hòa P kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa Pc thẩm;

Bị cáo Phan Hòa P thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung án sơ thẩm đã nêu và xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là

đúng, không oan. Do mức án Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là nặng đối với hành vi của bị cáo gây ra, nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Bị cáo Phan Hòa P kháng cáo trong thời hạn luật quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phan Hòa P đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phan Hòa P phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phan Hòa P về tội danh và điều luật trên là đúng người, đúng tội, không oan. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Mặt khác, sau khi phạm tội trong quá trình điều tra bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc giải quyết vụ án. Trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã thỏa thuận bồi thường xong cho bị hại; hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn, bị cáo đầu thú là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy: Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo nhưng không bổ sung tình tiết giảm nhẹ nào mới ngoài các tình tiết mà cấp sơ thẩm đã áp dụng nên không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và điểm Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Hòa P, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2022/HS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết mình vi phạm pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Phan Hòa P kháng cáo trong thời hạn quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các chứng cứ khác có trong hồ sơ đã có đủ cơ sở kết luận: Đầu năm 2019, Phan Hòa P thấy trên mạng Zalo, Facebook có đăng bán đất, thông tin trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, tên Ông: Phan Hoàng H, sinh năm 1980, CMND số: 300355083; địa chỉ thường trú: ấp N, xã N1, Huyện T, tỉnh Long An. Do làm ăn thua lỗ, P nảy sinh ý định làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để cầm cố cho người dân để lấy tiền trả nợ. Với ý định đó, P lấy thông tin cá nhân của P và thông tin trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Phan Hoàng H để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên Phan Hòa P và P đã đặt làm trên mạng Facebook với số tiền là 5.000.000 đồng. Sau khi có giấy giả mang tên P, ngày 27/12/2019 P đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất giả mang tên P cầm cho bà Lê Thị M với số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng từ ngày 27/12/2019 đến ngày 27/6/2020 P sẽ thanh toán tiền gốc và lãi cho bà M. Bà M tin giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà P đem cầm là thật nên đồng ý. Đến ngày trả nợ thì P cố tình lẩn tránh, bà M làm đơn tố giác đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện B. Qua điều tra, P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Như vậy, hành vi trên của bị cáo Phan Hòa P có đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phan Hòa P về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phan Hòa P: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Mặt khác, sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc giải quyết vụ án. Trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã thỏa thuận bồi thường xong cho bị hại; hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn, bị cáo đầu thú là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt. Thấy rằng: Hành vi trái pháp luật của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực quản lý con dấu tài liệu hoặc giấy tờ khác được pháp luật quy định. Với bản tính tham lam, động cơ mục đích vụ lợi, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã

hội, gây mất trật tự địa phương. Đối với mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra và cũng là mức khởi điểm của khung hình phạt. Bị cáo kháng cáo nhưng không bổ sung tình tiết giảm nhẹ mới ngoài các tình tiết mà cấp sơ thẩm đã áp dụng nên không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2022/HS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B tỉnh Long An về hình phạt đối với bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo Phan Hòa P phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, do kháng cáo không được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực sau khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Hòa P. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2022/HS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An, về hình phạt đối với bị cáo Phan Hòa P.

Tuyên bố: Bị cáo Phan Hòa P phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phan Hòa P 02 (hai) năm tù.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phan Hòa P 02 (hai) năm tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt hai tội buộc bị cáo Phan Hòa P phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm tù, thời gian tù tính từ ngày 27 tháng 4 năm 2022.

Áp dụng khoản 3 Điều 347 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tiếp tục tạm giam bị cáo Phan Hòa P 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày 05/12/2022 để đảm bảo thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phan Hòa P phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các khoản khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật sau khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TPHCM (01b);
- VKSNDCC tại TPHCM (01b);
- VKSND tỉnh Long An (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01b);
- TAND huyện (02b);
- VKSND huyện (01b);
- CQĐT Công an cấp huyện (01b);
- Chi cục THADS huyện (01b);
- Bị cáo (01b);
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (01b);
- Người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Phụng